

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 03-7-2026.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Thành.

Ông Trần Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu Vực 5 – Tây Ninh.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 5 – Tây Ninh, Tòa án nhân dân Khu Vực 5 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Kim D, sinh ngày 17/11/1977. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Căn cước công dân số: 080177004788, cấp ngày 23/3/2023.

Địa chỉ: số 299, ấp B, xã Tân Trụ, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/6/1974. (có mặt)

Địa chỉ: số 299, ấp B, xã Tân Trụ, tỉnh Tây Ninh.

NỘI D VU ÁN:

Bà Trần Thị Kim D là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà D và ông T kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ, tỉnh L An vào ngày 19/11/2003 (nay là xã Tân Trụ, tỉnh Tây Ninh). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 28 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng còn sống chung một nhà, nhưng sống ly thân với nhau đến nay khoảng 02 năm. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà D và ông T có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/10/1996 và Nguyễn Khánh L sinh ngày 27 tháng 9 năm 2006. Các con chung đều đã trưởng thành, nên bà D không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà D và ông T có tài sản chung, nhưng bà D tự thỏa thuận giải quyết với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà D cam kết Bà D và ông T không có nợ chung.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Bà D và ông T kết hôn vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ, tỉnh L An vào ngày 19/11/2003 (nay là xã Tân Trụ, tỉnh Tây Ninh). Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, nên ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D, ông T mong muốn vợ chồng hàn gắn.

Về con chung: Bà D và ông T có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/10/1996 và Nguyễn Khánh L sinh ngày 27 tháng 9 năm 2006. Các con chung đều đã trưởng thành, nên ông T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T và bà D có tài sản chung, nhưng không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông T cam kết là ông T và bà D không có nợ chung.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Kim D và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tịnh, huyện Tân Trụ, tỉnh L An vào ngày 19/11/2003 (nay là xã Tân Trụ, tỉnh Tây Ninh). Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông T, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Khu Vực 5- Tây Ninh thụ lý giải quyết.

[2] Bà Trần Thị Kim D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Bà Trần Thị Kim D và ông Nguyễn Văn T chung sống hạnh phúc được 28 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà D và ông T còn sống chung một nhà, nhưng sống ly thân với nhau đến nay khoảng 02 năm. Ông T không đồng ý ly hôn, nhưng cũng không có cách nào để vợ chồng hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung

của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, cho bà D ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Kim D và ông Nguyễn Văn T có hai người con chung tên Nguyễn Khánh D, sinh ngày 13/10/1996 và Nguyễn Khánh L sinh ngày 27 tháng 9 năm 2006. Các con chung đều đã trưởng thành, bà D và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Trần Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim D, cho bà Trần Thị Kim D ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Kim D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007931, ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Trần Thị Kim D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 5 – Tây Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Tây Ninh;
- UBND xã Tân Trụ, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng

